

DỮ LIỆU VÙNG TRỒNG CỦA CÁC NGÀNH HÀNG: TỪ TUÂN THỦ EUDR ĐẾN HẠ TẦNG CHIẾN LƯỢC CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tô Xuân Phúc
Forest Trends



THÁNG 8, 2026

Báo cáo thể hiện quan điểm riêng của tác giả và không nhất thiết là quan điểm của Forest Trends hoặc bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các cuộc trao đổi với các chuyên gia, bao gồm cả chuyên gia công nghệ, cán bộ quản lý phụ trách hoạt động bền vững của các công ty, cán bộ quản lý ngành nông nghiệp cấp Trung ương và địa phương, bao gồm cả cán bộ cấp xã, bản. Thông tin trong bài viết cũng được đúc kết từ các hoạt động Thí điểm xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng cà phê đáp ứng EUDR tại xã Mường Chanh và Nậm Lầu của tỉnh Sơn La và xã Chiềng Sinh và Pu Nhi của tỉnh Điện Biên. Báo cáo mong muốn tạo thông tin đầu vào cho các thảo luận tiếp theo nhằm thúc đẩy việc xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng và nền tảng quản trị dữ liệu hiệu quả của ngành nông nghiệp trong tương lai.

Trân trọng cảm ơn Tiến sĩ Phạm Tuấn Anh, nguyên Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Nông (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng) đã có những góp ý có giá trị cho bản thảo của báo cáo này.



THÁNG 8, 2026

MỤC LỤC

Tóm tắt	4
Phần 1. Lý lịch sản phẩm: Yêu cầu tất yếu đối với sản phẩm xuất khẩu	5
Phần 2. Thực trạng về dữ liệu vùng trồng phục vụ thích ứng EUDR	6
Phần 3. Dữ liệu vùng trồng: Hạ tầng dữ liệu thiết yếu cho quản trị ngành hàng	8
Phần 4. Xây dựng hạ tầng dữ liệu ngành nông nghiệp: Cơ chế hợp tác công tư	11
Phần 5. Nguyên tắc cơ bản để xây dựng dữ liệu và hệ thống quản trị dữ liệu	14
Phần 6. Một số khía cạnh cần quan tâm khác	16
Phần 7. Kết luận	18



THÁNG 8, 2026

TÓM TẮT

Việt Nam không thiếu dữ liệu về vùng trồng, tuy nhiên dữ liệu sẵn có hiện nay phân mảnh, không đồng nhất và chưa liên thông giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các cấp quản lý. Sự trùng lặp dữ liệu thu thập xảy ra tương đối phổ biến ở một số địa phương, khi hai hoặc nhiều doanh nghiệp cùng thu thập dữ liệu trên cùng một địa bàn. Tình trạng dữ liệu phân mảnh, không đồng nhất và chưa liên thông không những gây lãng phí nguồn lực của các bên liên quan, mà còn là nguyên nhân nuôi dưỡng các rủi ro trong chuỗi cung ứng, làm mất cơ hội cho việc quản trị các ngành hàng nông nghiệp hiệu quả trong tương lai. Báo cáo này cho rằng dữ liệu vùng trồng không nên chỉ có mục đích để các nông hộ và doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu như Quy định chống mất rừng của EU (EUDR). Nguồn dữ liệu này cần phải trở thành hạ tầng dữ liệu dùng chung của ngành nông nghiệp, với nguồn dữ liệu được thu thập có thể được sử dụng nhiều lần, được cập nhật tại khâu nông hộ, và các bên bao gồm cả doanh nghiệp và Nhà nước cùng hưởng lợi. Xây dựng nền tảng dữ liệu vùng trồng đồng nhất, cho phép thực hiện truy xuất; thiết kế hạ tầng dữ liệu và công nghệ cho phép chia sẻ, kết nối, khai thác và bảo vệ dữ liệu là hạ tầng chiến lược của ngành nông nghiệp và xứng đáng nhận được sự quan tâm từ các bên liên quan, đặc biệt là từ Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp.



Ảnh 1: Bà con ở xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La tham gia Tập huấn sử dụng công cụ thu thập dữ liệu vùng trồng. Nguồn: Forest Trends



1. LÝ LỊCH SẢN PHẨM: YÊU CẦU TẤT YẾU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM XUẤT KHẨU

Khi xuất khẩu vào các thị trường lớn như Hoa Kỳ và EU, các sản phẩm như cà phê, gỗ, điều, cao su... từ Việt Nam không đơn giản là phải cạnh tranh về chất lượng và giá cả mà còn cần đáp ứng yêu cầu về “lý lịch” sản phẩm. Lý lịch sản phẩm bao gồm các thông tin về sản phẩm được sản xuất ở đâu, trên mảnh đất cụ thể nào, từ hộ nào, đất sản xuất có hợp pháp hay không, quá trình sản xuất có làm mất rừng hay không, sản phẩm đã đi qua những khâu nào của chuỗi cung ứng, bằng chứng cụ thể là gì... Đây là hàng loạt câu hỏi mà doanh nghiệp (DN) xuất khẩu từ Việt Nam cần phải trả lời khi xuất sản phẩm của mình vào các thị trường này.

Thông tin về dữ liệu vùng trồng là một trong những hợp phần thông tin quan trọng nhất về lý lịch sản phẩm. Dữ liệu vùng trồng bao gồm các lớp thông tin khác nhau, bao gồm: (i) **Thông tin về lô đất sản xuất:** Tọa độ địa lý lô đất (geolocation) theo điểm (point) hoặc theo đường ranh giới (polygon), diện tích, loại cây trồng, năm trồng, năm khai thác, lịch sử sử dụng đất...; và (ii) **Thông tin về nông hộ:** Tên, địa chỉ liên lạc, quyền sử dụng đất của nông hộ...

Quy định Chống mất rừng của EU (EUDR) yêu cầu bảy nhóm mặt hàng nông lâm sản khi nhập khẩu vào thị trường này phải đảm bảo (a) Sản phẩm tuân thủ đầy đủ các quy định tại quốc gia sản xuất và (b) quá trình sản xuất không gây mất rừng, với thời điểm mất rừng tính từ sau ngày 30/12/2020.

Ba ngành hàng của Việt Nam bao gồm ngành cà phê, gỗ và cao su hiện đang xuất khẩu sản phẩm của mình vào EU.¹ Đáp ứng các yêu cầu của EUDR là bắt buộc để tham gia thị trường này. EUDR đòi hỏi thông tin chi tiết về dữ liệu vùng trồng. Các DN trong ngành gỗ, cao su và đặc biệt trong ngành cà phê đã và đang thu thập và chuẩn bị thông tin, bao gồm thông tin về dữ liệu vùng trồng của mình, nhằm đáp ứng EUDR.

¹ Tầm quan trọng của thị trường EU đối với các ngành hàng này khác nhau: Đối với ngành cà phê, gần 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành là từ thị trường EU. Con số này đối với ngành gỗ là khoảng 4-5%, ngành cao su khoảng 8-9%. Thông tin chi tiết tham khảo tại: https://pub-11f428574adc4d41aede46d8289892c0.r2.dev/gallery/pdf-vn/1776599148312-116_Ban-tin-EUDR-3-Ho-tieu-dien-Geolocation.pdf.



THÁNG 8, 2026

2. THỰC TRẠNG VỀ DỮ LIỆU VÙNG TRỒNG PHỤC VỤ THÍCH ỨNG EUDR

2.1. Nghịch lý về cơ sở dữ liệu vùng trồng

Hiện đang tồn tại nghịch lý về dữ liệu vùng trồng, thể hiện qua các khía cạnh sau:

Việt Nam có dữ liệu về đất đai và sản xuất nông nghiệp: Nhà nước có dữ liệu địa chính, quy hoạch sử dụng đất, dữ liệu rừng, dữ liệu vùng trồng và một số dữ liệu quản lý khác. Tuy nhiên nguồn dữ liệu này chưa đồng bộ giữa các cơ quan và các cấp. Một số dữ liệu chưa được cập nhật thường xuyên và/hoặc chưa đủ các trường thông tin cần thiết để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

DN đã và đang chủ động thu thập dữ liệu từ nông hộ để phục vụ truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn về chứng nhận bền vững và các yêu cầu khác của thị trường. Nguồn dữ liệu này cho phép thực hiện truy xuất tới từng lô đất sản xuất. Tuy nhiên, các DN chỉ thu thập dữ liệu từ các vùng nguyên liệu của mình mà không quan tâm tới các diện tích nằm bên ngoài các diện tích này. Các DN cũng không chia sẻ nguồn dữ liệu này với DN khác và với cơ quan quản lý. Điều này dẫn tới rủi ro trong việc trùng lặp nguồn dữ liệu thu thập khi các DN này cùng thu thập dữ liệu từ cùng một diện tích và nông hộ sản xuất. Trùng lặp trong việc thu thập dữ liệu cũng làm lãng phí nguồn lực của DN và nông hộ.

2.2. Thu thập dữ liệu vùng trồng nhằm đáp ứng EUDR và quản lý ngành hàng

Thời gian gần đây Forest Trends xây dựng một số báo cáo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng dữ liệu vùng trồng để đáp ứng với các yêu cầu của EUDR. Báo cáo **Tính cấp thiết để xây dựng bộ dữ liệu vùng trồng cho hàng hóa nông lâm sản phục vụ công tác quản lý và truy xuất nguồn gốc: Cách tiếp cận từ dưới lên** công bố vào tháng 6/2026 kiến nghị xây dựng năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp xã, bàn về các công cụ nhằm thu thập dữ liệu, sau đó sử dụng đội ngũ cán bộ này để thu thập dữ liệu vùng trồng từ các hộ nằm trên địa bàn xã, bản. Phương pháp tiếp cận “từ dưới lên” này – hàm ý sử dụng năng lực của cán bộ cấp xã, bản – đòi hỏi sự vào cuộc của các cấp ủy Đảng, Chính quyền từ cấp tỉnh xuống cấp xã, bản ngay từ khâu đầu tiên. Phương pháp này cũng được coi là hiệu quả trong bối cảnh Nhà nước không có nguồn lực dành riêng cho hoạt động thu thập dữ liệu. Tuy nhiên, dù phương pháp “từ dưới lên” có điểm mạnh là công việc có thể thực hiện nhanh, cách tiếp cận này chưa huy động được sự vào cuộc từ các DN đã xây dựng vùng nguyên liệu tại các địa phương này. Điều này làm lãng phí nguồn lực trong thu thập dữ liệu.



THÁNG 8, 2026

Báo cáo **Từ xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng phục vụ truy xuất nguồn gốc và quản lý tới cơ sở dữ liệu đa tầng trong tương lai** của Forest Trends công bố tháng 8/2026 cho rằng sử dụng cách tiếp cận từ dưới lên không những gây lãng phí nguồn lực mà còn có rủi ro do thiếu tính đồng bộ về dữ liệu vùng trồng giữa các địa phương nếu không có các hướng dẫn cụ thể từ trung ương về các trường dữ liệu cần thu thập. Dựa trên quan điểm này, báo cáo khuyến nghị cơ chế hợp tác giữa DN và cơ quan quản lý, trong đó DN chia sẻ dữ liệu vùng trồng của mình với cơ quan quản lý. Cơ quan quản lý cần đảm bảo thiết lập được cơ chế đảm bảo an toàn cho nguồn dữ liệu này. Theo báo cáo, cơ quan quản lý sẽ chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu đối với các diện tích vùng trồng nằm ngoài các diện tích mà DN đã thu thập dữ liệu.

Các báo cáo nêu trên tập trung thảo luận về việc thu thập dữ liệu vùng trồng chủ yếu để phục vụ đáp ứng các yêu cầu của EUDR. Mặc dù khía cạnh quản trị dữ liệu được thảo luận trong báo cáo công bố vào tháng 8 vừa qua, khía cạnh này chưa được thảo luận sâu. Ngoài ra, báo cáo đó chưa làm rõ vai trò chiến lược của nguồn dữ liệu đầu vào và quản trị dữ liệu đối với ngành nông nghiệp trong tương lai.



Ảnh 3: Bà con ở xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La tham gia Tập huấn sử dụng công cụ thu thập dữ liệu vùng trồng. Nguồn: Forest Trends



THÁNG 8, 2026

3. DỮ LIỆU VÙNG TRỒNG: HẠ TẦNG DỮ LIỆU THIẾT YẾU CHO QUẢN TRỊ NGÀNH HÀNG

Ngoài đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và giúp cho các cơ quan quản lý các ngành hàng một cách hiệu quả, **dữ liệu vùng trồng còn có tiềm năng trở thành một nền tảng hạ tầng cho quản trị ngành nông nghiệp, quản lý tài nguyên nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo vệ lợi ích của hàng triệu nông hộ**. Phần dưới đây sẽ đi chi tiết vào các khía cạnh tiềm năng này.

3.1. Dữ liệu là nền tảng của truy xuất nguồn gốc

Dữ liệu vùng trồng là nền tảng quan trọng cho việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Hệ thống truy xuất chặt chẽ để đáp ứng các yêu cầu của thị trường như EUDR cần đảm bảo việc truy xuất theo dòng logic sau:



Các thị trường lớn ngày càng có những đòi hỏi khắt khe về sản phẩm. Các sản phẩm gỗ và cà phê xuất khẩu vào EU hay Hoa Kỳ đều yêu cầu sản phẩm đáp ứng được tất cả các tiêu chí bền vững. Để đáp ứng các tiêu chí này, hộ sản xuất cần đảm bảo các hoạt động canh tác phải tuân thủ các yêu cầu về canh tác bền vững, sử dụng vật tư, hóa chất đầu vào hợp lý, canh tác bảo vệ đất, đa dạng sinh học, tuân thủ yêu cầu an toàn lao động... Một số thị trường đã bắt đầu đòi hỏi thông tin về các hoạt động phát thải trong toàn bộ chuỗi hành trình sản phẩm (ví dụ Nhật Bản và EU đòi hỏi thông tin này đối với viên nén gỗ nhập khẩu).

Dữ liệu thu thập ở cấp hộ cần đầy đủ và cập nhật để tránh tình trạng mỗi khi có yêu cầu mới từ thị trường chúng ta lại phải đi tới từng nông hộ để thu thập lại toàn bộ dữ liệu.

Các DN xuất khẩu đều sở hữu bộ dữ liệu vùng trồng của mình. Để xây dựng bộ dữ liệu này, các DN này phải thực hiện việc khảo sát, đo đạc, xác minh, nhập và làm sạch dữ liệu... Chi phí cho việc xây dựng bộ dữ liệu không hề nhỏ. Thông tin từ một số DN cà phê vùng Tây Nguyên cho biết chi phí bình quân để thu thập dữ liệu vùng trồng của nông hộ là khoảng 5-7 USD cho mỗi ha; trong một số trường hợp chi phí lên tới 30 USD/ha. Mức chi phí này dẫn ra trong điều kiện dữ liệu địa chính (bản đồ giải thửa đất) đã sẵn có và DN tiếp cận được với nguồn dữ liệu này. Tuy nhiên hiện một số địa phương, bao gồm các địa phương thuộc vùng Tây Bắc, chưa có dữ liệu địa chính. Xây dựng dữ liệu ở các địa phương này sẽ tốn kém hơn nhiều so với nơi đã có dữ liệu địa chính.



THÁNG 8, 2026

3.2. Dữ liệu là hạ tầng của quản trị ngành hàng

Dữ liệu là hợp phần quan trọng của hạ tầng quản trị ngành hàng. Thiếu dữ liệu, cơ quan quản lý không thể quản lý các ngành hàng hiệu quả.

Với các ngành hàng nông lâm nghiệp, nguồn dữ liệu đầu vào bao gồm các khía cạnh thông tin như số hộ tham gia khâu sản xuất, diện tích canh tác của từng hộ, tình trạng pháp lý về đất đai, năng suất và sản lượng cây trồng trên đất, vùng phân bố, biến động diện tích trồng, các diện tích cần tái canh, trình độ canh tác theo địa phương/vùng, các địa phương/vùng cần hỗ trợ về kỹ thuật...

Nếu không có dữ liệu đầu vào từ cấp hộ và lô đất của hộ, chính sách ngành hàng sẽ phải dựa vào các thông tin ước tính hoặc dựa vào nguồn dữ liệu cũ. Đây là tình trạng hiện nay của một số ngành hàng nông lâm nghiệp. Điều này cũng dẫn tới rủi ro là cơ chế chính sách xây dựng không bám sát thực tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của dữ liệu cho việc quản lý trong thời gian gần đây, Đảng và Chính phủ đã dành nhiều ưu tiên cho việc xây dựng dữ liệu, bao gồm cả dữ liệu về đất đai. Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia²; Kế hoạch số 02-KH/BCDTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;³ Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.⁴ Thực hiện tinh thần chỉ đạo từ các Nghị quyết này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Công an, các bộ, ngành và các địa phương nỗ lực triển khai nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai... đảm bảo nguồn dữ liệu “đúng – đủ – sạch – sống – thống nhất – dùng chung”.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai... ngày 13/2/2026 Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 05/CT-TTg Về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.⁵ Theo Chỉ thị 05/CT-TTg yêu cầu các cơ quan khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc, lập bản đồ địa chính... Chỉ thị 05 nêu rõ trong năm 2026 cần xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia với nhiệm vụ trọng tâm bao gồm (i) Đo đạc và đăng ký, (ii) Làm sạch dữ liệu và (iii) Đảm bảo an toàn thông tin.

Nhà nước hoàn thành việc thu thập dữ liệu sẽ tạo ra một bộ dữ liệu về đất đai đồng bộ, cho phép việc thực hiện truy xuất. Tiếp cận được với nguồn dữ liệu này DN sẽ tiết kiệm được những khoản đầu tư đáng kể trong việc thu thập dữ liệu vùng trồng của mình.

² <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180048642.htm>

³ Kế hoạch số 02-KH/BCDTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển

⁴ <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214701>

⁵ <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/02/05ct.signed.pdf>



THÁNG 8, 2026

3.3. Dữ liệu vùng trồng là tài sản của nông hộ

Dữ liệu vùng trồng không phải là tài sản riêng của DN – sử dụng thuật ngữ “tài sản” được nhiều DN trong ngành cà phê sử dụng – mà còn là tài sản của nông hộ bởi đây là nguồn dữ liệu thuộc về nông hộ, được hộ cung cấp.⁶ Nguồn dữ liệu từ hộ cho phép xác định hàng hóa được sản xuất ở đâu, bởi hộ nào, diện tích sản xuất là bao nhiêu, lịch sử sản xuất, tình trạng pháp lý của đất đai, thông tin về các hoạt động canh tác của hộ... Đây là nguồn thông tin đầu vào quan trọng cho các DN mua nguyên liệu đầu vào từ nông hộ để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Trong tương lai, nguồn dữ liệu từ hộ có thể giúp mở ra cơ hội cho hộ tiếp cận với thị trường đầu ra sản phẩm, nguồn tín dụng, hỗ trợ kỹ thuật, bảo hiểm... Các hộ sở hữu thông tin minh bạch và rõ ràng về đất đai, sản phẩm sản xuất từ đất, thông tin về chuỗi cung ứng hộ tham gia khi tiêu thụ sản phẩm đầu ra... sẽ có nhiều cơ hội hơn so với các hộ thiếu các thông tin này.

Hiện thị trường tín chỉ các-bon đang nhận được sự quan tâm từ các bên liên quan, bao gồm cả các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội từ thị trường tiềm năng này. Các diện tích vùng trồng của nông hộ, như cà phê, gỗ rừng trồng, cao su, chè, tiêu... có tiềm năng tạo ra nguồn tín chỉ các-bon thông qua việc thay đổi phương thức canh tác theo hướng tăng khả năng hấp thụ các-bon của các loại cây trồng trên đất (ví dụ thực hiện xen canh) hoặc/và giảm phát thải các-bon từ các hoạt động canh tác (ví dụ giảm phân bón, nước tưới đầu vào). Dữ liệu từ nông hộ là nền tảng để hộ tham gia thị trường các-bon trong tương lai.

⁶ Thuật ngữ “tài sản” ở đây được hiểu theo cách đơn giản – là hàng hóa hoặc dịch vụ được tạo ra thông qua hoạt động đầu tư nguồn lực (tiền bạc, thời gian, công nghệ, kiến thức...) của cá nhân hoặc tổ chức.



Ảnh 4: Một nông hộ ở Đắk Lắk đang chăm sóc vườn cà phê. Nguồn: Forest Trends



4. XÂY DỰNG HẠ TẦNG DỮ LIỆU NGÀNH NÔNG NGHIỆP: CƠ CHẾ HỢP TÁC CÔNG TƯ

Để tránh lãng phí nguồn lực trong việc thu thập dữ liệu từ nông hộ, cần thiết lập cơ chế chia sẻ và dùng chung dữ liệu. Trong cơ chế này, Nhà nước nên đóng vai trò đầu mối, tổng hợp dữ liệu sẵn có từ hệ thống của mình và từ DN, từ đó tích hợp vào một hệ thống dùng chung. Hệ thống này cần phân quyền cho các DN sử dụng theo nguyên tắc DN chỉ được khai thác dữ liệu trong phạm vi của mình mà không thể tiếp cận với nguồn dữ liệu của DN khác chia sẻ trong hệ thống. Điều này có nghĩa là chuyển đổi từ xây dựng dữ liệu vùng trồng với nguồn dữ liệu phân mảnh, không đồng nhất, chưa liên thông sang cơ chế quản trị dữ liệu theo hướng công bằng, có sự tham gia trực tiếp của các bên liên quan.

Xây dựng cơ chế quản trị dữ liệu theo hướng minh bạch, công bằng đòi hỏi cần giải quyết thấu đáo các câu hỏi sau: **Ai tạo ra dữ liệu? Ai có quyền quản lý hoặc sở hữu dữ liệu? Ai được quyền truy cập? Ai có trách nhiệm cập nhật dữ liệu? Ai chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu? Ai bảo vệ quyền riêng tư và lợi ích của nông dân?**

Hạ tầng dữ liệu bao gồm
3 hợp phần cơ bản:





THÁNG 8, 2026

Việt Nam cần xây dựng cơ chế hợp tác công tư về quản trị dữ liệu, theo đó Nhà nước và DN cùng xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng dùng chung, với các quyền truy cập và khai thác được trao cho các nhóm khác nhau. Nguồn dữ liệu đầu vào của hệ thống dữ liệu như sau.



Nhà nước

Cung cấp các dữ liệu nền tảng như địa chính, quy hoạch, rừng, mã định danh, vùng sản xuất... Nhà nước cũng cần phụ trách việc đầu tư xây dựng hạ tầng dữ liệu.



Doanh nghiệp

Cung cấp các dữ liệu về nông hộ, đất sản xuất của nông hộ, vùng nguyên liệu, sản lượng... trong phạm vi các hợp tác với mình. Cộng đồng DN cũng nên cân nhắc việc chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong việc xây dựng hệ thống hạ tầng dữ liệu.



Nông hộ

Cung cấp thông tin đầu vào cho các DN (đối với các diện tích nằm trong liên kết với DN) và cho Nhà nước (đối với các diện tích nằm ngoài). Nông hộ cũng chịu trách nhiệm về xác nhận tính chính xác của dữ liệu mà mình chia sẻ và cập nhật thông tin về những thay đổi có liên quan tới mảnh đất và cây trồng trên mảnh đất của mình.



Các tổ chức phát triển

Nguồn lực từ các tổ chức phát triển, tổ chức xã hội nghề nghiệp... bao gồm tài chính, công nghệ, tiêu chuẩn, phương pháp... nên được sử dụng để hỗ trợ cơ quan quản lý và nông hộ trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng, nền tảng công nghệ, đúc kết các bài học kinh nghiệm về phương pháp thu thập dữ liệu, cách thức tổ chức vận hành, xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu...



THÁNG 8, 2026

Một trong những câu hỏi quan trọng được đặt ra ở đây là **tại sao DN cần chia sẻ dữ liệu của mình** với Nhà nước trong khi nguồn dữ liệu này là tài sản của DN và hệ thống luật pháp hiện tại không yêu cầu các DN cần chia sẻ dữ liệu của mình? Câu hỏi này cho thấy 2 khía cạnh của vấn đề cần làm rõ: trách nhiệm và quyền lợi của DN trong việc chia sẻ dữ liệu.

Hiện pháp luật không bắt buộc DN có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu với cơ quan quản lý. DN chỉ chia sẻ dữ liệu là tài sản của mình với cơ quan quản lý khi có một số lợi ích. Lợi ích này có thể là các cơ chế, chính sách của địa phương ưu tiên cho DN, như giới thiệu quảng bá DN và sản phẩm của DN và tiếp cận với nguồn dữ liệu mà cơ quan quản lý thu thập. Báo cáo này không đi sâu thảo luận về các cơ chế chính sách ưu tiên. Nội dung này sẽ nằm trong khuôn khổ của một báo cáo khác.

Điều quan trọng, hệ thống quản trị dữ liệu cần đồng bộ, thống nhất và đảm bảo sự công bằng và an toàn về dữ liệu cho các thành viên tham gia hệ thống.



Ảnh 5: Công đoạn thu gom, sơ chế và đóng bao cà phê sau thu hoạch. Nguồn: Vicofta



5. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN ĐỂ XÂY DỰNG DỮ LIỆU VÀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DỮ LIỆU

Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống quản trị dữ liệu hiệu quả cần cân nhắc một số khía cạnh sau.

Thứ nhất, mỗi nông hộ cần có một mã định danh thống nhất. Mã định danh này được sử dụng thống nhất trong hệ thống. Ví dụ cùng một lúc nông hộ bán sản phẩm của mình cho các DN khác nhau, nông hộ chỉ sử dụng một mã định danh của mình trong các giao dịch.

Thứ hai, mỗi thửa đất canh tác cần có một mã định danh duy nhất. Một mã định danh duy nhất được áp dụng đối với mỗi thửa đất. Thông tin gắn với mã định danh của lô đất bao gồm vị trí địa lý của lô đất (điểm hoặc đường ranh giới/polygon), diện tích lô đất, loại cây trồng, thông tin pháp lý lô đất, lịch sử biến động... Toàn bộ các giao dịch về sản phẩm thu hái trên mảnh đất này được sử dụng một mã định danh duy nhất của thửa đất này.

Thứ ba, dữ liệu thu thập một lần để có thể sử dụng nhiều lần. Dữ liệu thu thập từ nông hộ cần đảm bảo chính xác, đáp ứng tiêu chuẩn, đảm bảo sự đồng nhất về các trường thông tin thu thập. Nguồn dữ liệu từ nông hộ đạt chuẩn, thống nhất có thể sử dụng nhiều lần mà không cần thiết phải thu thập lại nhiều lần mỗi khi có các yêu cầu mới.

Thứ tư, dữ liệu cần được cập nhật tại nguồn khi có biến động. Dữ liệu từ hộ cần phải được cập nhật khi có thay đổi. Các thay đổi này có thể là về các khía cạnh như chuyển quyền sử dụng đất, thay đổi chủ hộ, thay đổi diện tích canh tác, loại hình cây trồng trên đất... Hệ thống CSDL nếu không được cập nhật sẽ trở thành bộ dữ liệu “chết”. Ngược lại, cập nhật các thay đổi đảm bảo bộ dữ liệu “sống”.

Trong nhiều trường hợp ví dụ thay đổi cây trồng, thu hẹp hoặc mở rộng diện tích canh tác, cần có những cơ chế khuyến khích đối với nông hộ để đảm bảo họ cập nhật những thay đổi này. Báo cáo này không thảo luận chi tiết về các cơ chế này.

Thứ năm, hệ thống dữ liệu cần phải được kết nối. Điều này nhằm đảm bảo tính liên thông trong các hệ thống, cho phép thực hiện được truy xuất trong toàn bộ chuỗi cung, bắt đầu từ khâu sử dụng đất tới khâu sản phẩm đầu ra của thị trường.

đất đai <=> nông hộ <=> vùng trồng <=> rừng <=> sản phẩm <=> doanh nghiệp <=> thị trường

Việt Nam hiện đã phát triển các yêu cầu kỹ thuật nhằm phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu truy xuất, bao gồm cấu trúc dữ liệu, API và các cơ chế kết nối. Đây là nền tảng quan trọng để tiến tới khả năng tương tác giữa các hệ thống.



THÁNG 8, 2026

Thứ sáu, quản trị dữ liệu. Việc quản trị dữ liệu có vai trò quan trọng không kém cơ sở dữ liệu. Để quản trị dữ liệu tốt, cần có quy định cụ thể về **quyền truy cập, quyền sử dụng, trách nhiệm cập nhật và xác minh, tính bảo mật, quyền chia sẻ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sử dụng dữ liệu vì mục đích thương mại...** Trong hệ thống quản trị cần phân biệt rõ sự khác nhau giữa loại hình dữ liệu nền tảng phục vụ quản lý nhà nước (ví dụ dữ liệu địa chính, ranh giới rừng) với dữ liệu thương mại nhạy cảm của DN. Quản trị dữ liệu bao gồm chia sẻ dữ liệu giữa DN và Nhà nước. Tuy nhiên điều này không đồng nghĩa với việc DN chia sẻ toàn bộ dữ liệu kinh doanh của mình với Nhà nước. Điều quan trọng cần xác định và thống nhất loại hình dữ liệu nào cần được chia sẻ, chia sẻ cho ai, với mục đích gì và ở mức độ nào.



Ảnh 6: Vùng trồng cà phê nằm giáp ranh rừng tự nhiên ở Tây Nguyên. Nguồn: Forest Trends



6. MỘT SỐ KHÍA CẠNH CẦN QUAN TÂM KHÁC

Để có thể xây dựng được bộ dữ liệu vùng trồng và hệ thống quản trị dữ liệu đáp ứng được các tiêu chí “đúng – đủ – sạch – sống – thống nhất – dùng chung” chúng ta cần quan tâm tới một số khía cạnh sau:

Xác định dữ liệu vùng trồng là một hợp phần quan trọng của hạ tầng chiến lược của ngành nông nghiệp. Xây dựng bộ dữ liệu vùng trồng không nên chỉ được xem là để phục vụ đáp ứng EUDR. Cần coi dữ liệu vùng trồng là một thành phần của hạ tầng số quốc gia về nông nghiệp, phục vụ cả quản lý Nhà nước, DN và nông hộ sản xuất.

Hoàn thiện một cơ sở dữ liệu vùng trồng quốc gia dùng chung. Hệ thống cần bao phủ **toàn bộ diện tích vùng trồng**, không chỉ những diện tích đang nằm trong liên kết giữa DN và hộ nhằm tạo nguồn nguyên liệu bền vững (diện tích đạt chứng nhận bền vững). Nếu hệ thống chỉ bao gồm những hộ đã được DN thu thập dữ liệu mà không bao gồm các hộ nằm ngoài liên kết với DN thì sẽ không thể trở thành cơ sở dữ liệu quốc gia đầy đủ. Hệ thống dữ liệu bao trùm đảm bảo không bỏ lại bất cứ nông hộ nào phía sau. Điều này giúp tạo một hệ thống dữ liệu vùng trồng thống nhất, thay vì các hệ thống phân mảnh như hiện nay.

Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu công – tư công bằng, hiệu quả. DN đã đầu tư thu thập dữ liệu. Như đã đề cập ở phần trên, hiện DN không có nghĩa vụ phải chia sẻ dữ liệu của mình với cơ quan quản lý. Để DN chia sẻ, cần có cơ chế khuyến khích đối với DN. Ví dụ, DN cần được ghi nhận và bảo vệ quyền sử dụng dữ liệu. Đổi lại, doanh nghiệp phải được quyền truy cập những dữ liệu cần thiết cho hoạt động kinh doanh và tuân thủ. Nhà nước cũng không nên dùng mệnh lệnh hành chính để yêu cầu DN chia sẻ thông tin. Ngoài ra, Nhà nước cũng không nên để dữ liệu DN đã đầu tư thu thập bị “đóng kín” và không thể đóng góp vào hệ thống quản trị chung.

Chuẩn hóa một bộ dữ liệu tối thiểu thống nhất cho vùng trồng. Nhà nước nên xác định các trường thông tin tối thiểu cần thu thập khi xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng quốc gia. Cần đảm bảo có sự đồng nhất về các trường thông tin này giữa các địa phương và với cộng đồng DN. Điều này sẽ giúp cho việc đồng bộ hóa ở cấp quốc gia. Các thông tin tối thiểu có thể bao gồm mã định danh nông hộ, mã định danh của lô đất sản xuất, vị trí địa lý lô đất (tọa độ điểm hay đường polygon), diện tích lô đất, cây trồng trên đất, và thông tin pháp lý về lô đất.

Các dữ liệu thương mại là thông tin từ các DN, nằm ở tầng riêng, và không nhất thiết cần phải bao hàm trong bộ dữ liệu tối thiểu cấp quốc gia.



THÁNG 8, 2026

Áp dụng nguyên tắc “thu thập một lần, sử dụng nhiều lần”. Khi dữ liệu đã được thu thập và xác minh theo chuẩn quốc gia, các DN, dự án, chương trình phát triển nên được phép tiếp cận với nguồn dữ liệu này với sự đồng ý và quyền truy cập phù hợp với các nhóm này. Điều này không những sẽ giúp giảm đáng kể chi phí và gánh nặng đối với DN và các dự án, mà còn giúp giảm thiểu rủi ro trong việc dữ liệu bị chôn vùi.

Trao quyền cho nông hộ đối với dữ liệu của chính họ. Cần xác định rõ nông hộ không nên chỉ là người cung cấp dữ liệu. Nông hộ cần biết dữ liệu nào từ họ đang được lưu giữ, ai sử dụng, mục đích của việc sử dụng, quyền cho phép hoặc giới hạn việc sử dụng. Ngoài ra, hộ cũng cần biết cách thức cập nhật và điều chỉnh dữ liệu khi có sự biến động về dữ liệu. Một trong những điểm quan trọng là nông hộ cần được hưởng lợi từ nguồn thông tin dữ liệu mà họ cung cấp. Lợi ích cho hộ có thể là phần giá trị gia tăng cho sản phẩm hộ bán cho DN (đối với các diện tích bền vững), tiếp cận với các chương trình, dự án, vốn vay...

Coi việc đáp ứng với EUDR như một bước khởi đầu, không phải điểm kết thúc. Hệ thống dữ liệu vùng trồng, bao gồm cả việc hình thành cơ sở dữ liệu và hệ thống quản trị dữ liệu có mục tiêu đáp ứng EUDR. Tuy nhiên, hệ thống này nên được mở rộng ra cho các ngành hàng khác ngoài phạm vi EUDR, bao gồm các ngành như trái cây, điều, hồ tiêu... Những hoạt động xây dựng dữ liệu và quản trị dữ liệu nhằm đáp ứng với các yêu cầu của EUDR hôm nay sẽ có thể tạo ra hạ tầng quản trị cho ngành nông nghiệp trong tương lai.



Ảnh 7: Bà con ở xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La tham gia Tập huấn sử dụng công cụ thu thập dữ liệu vùng trồng. Nguồn: Forest Trends



7. KẾT LUẬN

Đáp ứng các yêu cầu của EUDR tạo ra nhiều thách thức cho các bên tham gia chuỗi cung. Các thách thức này bao gồm: tăng chi phí, thiếu thông tin đầu vào đặc biệt từ cấp nông hộ, dữ liệu không đồng bộ, thiếu hướng dẫn chi tiết cho việc thu thập. Ngoài ra, khó khăn trong việc đáp ứng EUDR bao gồm việc xây dựng dữ liệu đồng bộ giữa các địa phương và giữa địa phương và cộng đồng DN... để hình thành bộ dữ liệu dùng chung sau này.

Tuy nhiên đáp ứng EUDR đã mở ra cơ hội để Nhà nước, DN và các bên liên quan trong chuỗi cung các ngành hàng nông lâm nghiệp nhìn nhận vào một vấn đề mang tính chất nền tảng của ngành: ***Thực sự chúng ta đã biết gì về sản phẩm, đặc biệt là nơi sản xuất ra sản phẩm của mình?*** Câu hỏi này không chỉ đơn giản là việc quan tâm về nguồn gốc sản phẩm mà còn nhìn nhận vào ***năng lực quản trị ngành nông nghiệp hiện nay.***

Câu hỏi thông thường mà chúng ta hiện nay thường gặp đó là ***Làm thế nào để doanh nghiệp đáp ứng EUDR?*** Hiện Nhà nước, cộng đồng DN và các bên liên quan đang nỗ lực để giải quyết câu hỏi này. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp cần khu trú câu hỏi này trong một câu hỏi mang tính chất chiến lược hơn cho ngành, đó là ***Làm thế nào để ngành nông nghiệp có thể xây dựng được cơ sở dữ liệu hạ tầng về đất đai, nông hộ và vùng sản xuất thành một hạ tầng dữ liệu dùng chung, phục vụ cả Nhà nước, DN và nông hộ?*** EUDR có thể là cú hích, tuy nhiên dữ liệu vùng trồng phải trở thành nền tảng chiến lược của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế.



Ảnh 8: Điểm thu mua cà phê tại Tây Nguyên. Nguồn: Forest Trends



Mọi phản hồi và câu hỏi, vui lòng gửi đến email:
mekongrg@gmail.com

Để biết thêm thông tin về các báo cáo khác,
vui lòng truy cập website: **mkrg.org**
hoặc quét mã QR

Tài liệu này được thực hiện với
sự hỗ trợ tài chính của Vương
quốc Anh. Các thông tin đưa ra
trong tài liệu này là của tác giả
và không phản ánh quan điểm
của Forest Trends và nhà tài trợ.

